

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số 121/2020/HNGĐ-ST

Ngày 11/9/2020

V/v Tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Văn Phúc.

**- Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Huỳnh Văn Thanh;

2. Ông Nguyễn Thanh Hưng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà phạm Thị Mỹ Nhanh – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lay mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 200/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Cao Thị Kim T, sinh năm: 1982. Địa chỉ: ấp 9A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt);

2. *Bị đơn:* Đặng Văn L, sinh năm: 1979. Địa chỉ: ấp 9A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt);

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 27/12/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:**

Chị và anh L chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn từ năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới thì cất nhà ở nhờ trên phần đất cha, mẹ chị tại 9A, xã M, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến khoảng cuối năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xung đột, bất hòa trong vấn đề tiền bạc, chồng hay ghen tuông vô cớ rồi cự cãi thường xuyên. Chị đã kiên nhẫn chịu

đưng nhưng mâu thuẫn ngày càng gay gắt, vợ chồng ly thân nhau từ năm 2018 đến nay, dù vẫn sống chung nhà nhà nhưng mạnh ai nấy sống. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh L;
- Về con chung: Có 01 con chung tên Đặng Văn N, sinh ngày 17/7/2004 hiện sống chung nhà với vợ chồng. Chị xin trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

\* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh L vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng thủ tục tố tụng và không có kiến nghị bổ sung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét thấy chị T và anh L chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng, chị T xin ly hôn với anh L nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của các bên đương sự: Tại phiên tòa chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị T và anh L chung sống và có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ do anh, chị chung sống không hạnh

phúc, vợ chồng đã ly thân hơn 02 năm nay. Tại phiên tòa chị T cương quyết xin ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để hàn gắn mâu thuẫn cho các bên nhưng anh L vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

3.2. Về con chung: Tại phiên tòa anh T yêu cầu được nuôi con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy tại phiên tòa chị T trình bày con chung đang sống với vợ chồng trong căn nhà cất nhờ trên phần đất của cha mẹ ruột chị, khi ly hôn chị tiếp tục sống ở đây, anh L không có ý kiến tranh chấp con chung vợ chồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T.

3.3. Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét.

3.4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nội dung vụ án, phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Kim T.

1. Về hôn nhân: Cho chị T được ly hôn với anh Đặng Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Đặng Văn N, sinh ngày 17/7/2004 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005327 ngày 15/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị Hân đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Hà Văn Phúc**

